

Bản án số: 2289/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Hương Thủy

2/ Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1320/2023/HNST ngày 06 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1974/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2758/2024/QĐHPT-HN ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu M, sinh năm 1999

HKTT: Tổ 76, H, phường L, thành phố Đà Nẵng

Tạm trú: 114/54 N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1995

HKTT: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tạm trú: 177/19 N, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Thu M trình bày:

Bà M và ông Hoàng Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2021 ngày 24/02/2021. Quá trình chung sống giữa bà M và ông T, thì thời gian đầu chung sống bình thường, tuy nhiên càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên bạo hành bà M nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, nay bà M xác định không còn tình cảm với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Hoàng Gia B, sinh ngày 22/9/2022. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thu M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Nhận thấy Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ theo đúng quy định, tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Thu M yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Văn T, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông T cư trú tại

thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt và ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn của bà M:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 22/2021 ngày 24/02/2021 do Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Võ Thị Thu M và ông Hoàng Văn T, thì Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà M trình bày: bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 2021, thời gian đầu thì chung sống bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống chung của vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông T có nhiều lần bạo lực với bà M nên bà M dọn ra ở riêng, bà M cũng thừa nhận nay không còn tình cảm với ông T, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà M cũng như tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông T vắng mặt là đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình, thể hiện không muốn níu kéo hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình có quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, tuy nhiên xét thấy qua lời trình bày của bà M, cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu nguyên đơn cho bà mai được ly hôn với ông T.

[3.2] Về yêu cầu của bà M được trực tiếp nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy: giữa bà M và ông T có 01 người con chung tên là Hoàng Gia B, sinh ngày 22/9/2022, tại thời điểm xét xử trẻ B dưới 36 tháng tuổi, bà M có công ăn việc làm ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, trẻ Hoàng Gia B hiện đang sống với bà M, giữa bà M và ông T không có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà M. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà M tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến và không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Thu M và ông Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Hoàng Gia B, sinh ngày 22/9/2022. Bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và ông Hoàng Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thu M chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số

AA/2023/0003658 ngày 02/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

5. Bà Võ Thi Thu M1 và ông Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương